

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ CÔNG VỚI TĂNG TRƯỞNG TRONG NÔNG NGHIỆP (kỳ 1)

HOÀNG VĂN HOAN *

Trên bình diện vĩ mô, đầu tư công được coi là một bộ phận của chi tiêu công nhằm hướng tới việc tạo ra các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ mà thị trường tư nhân không thể sản xuất được (Alicia, 1990). Theo định nghĩa của Bộ Tài chính một số nước (ví dụ như Ukraine) thì đầu tư công được hiểu rất đơn giản là khoản chi đầu tư được tài trợ bởi ngân sách Trung ương hoặc địa phương. Nó bao gồm tất cả các khoản chi trả cho

tài sản cố định như: sửa chữa, tái thiết, khoản dự trữ quốc gia, mua bán đất và tài sản vô hình, và di chuyển vốn tới các doanh nghiệp, các cấp chính phủ, người dân, và di chuyển ra nước ngoài. Các hoạt động đầu tư được chính phủ tài trợ thường là các hoạt động như đầu tư cho cơ sở hạ tầng: nước sạch, nhiên liệu, giáo dục, sức khoẻ, dinh dưỡng,... những ngành mà đầu tư tư nhân khó có thể đáp ứng được (United Nations, 2009).

Bảng 1: Một số khác biệt của đầu tư công ở Việt Nam

	Quốc tế	Việt Nam
Định nghĩa	Đầu tư công là việc đầu tư/chi tiêu của nhà nước nhằm phát triển cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục (Theo Liên hợp quốc)	Đầu tư của nhà nước gồm tất cả các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn của Nhà nước" (Dự thảo Luật đầu tư công lần 2)
Lĩnh vực	Cơ sở hạ tầng, dịch vụ công cộng	Cơ sở hạ tầng, dịch vụ công cộng + lĩnh vực quản lí, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước
Phân biệt đầu tư công và các loại hình khác	Dựa trên tính chất của chương trình, dự án: công cộng, nhằm mục đích phát triển kinh tế, xã hội	Dựa trên nguồn vốn sử dụng: vốn của nhà nước
Mục tiêu	Phi lợi nhuận	Phi lợi nhuận + mục tiêu của DNNN
Số liệu	Đầu tư vào CSHT	Vốn đầu tư khu vực nhà nước, bao gồm: Vốn NS, tín dụng NN và đầu tư phát triển DNNN.
Nghiên cứu	Hiệu quả đầu tư vào CSHT	Hiệu quả đầu tư của vốn nhà nước và đầu tư DNNN.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng khái niệm đầu tư công trên vi đó là cách hiểu phổ biến và cũng là đối tượng của chính sách đầu tư của Nhà nước hiện nay.

Nông nghiệp theo nghĩa rộng bao gồm cả lâm

ng nghiệp và thủy sản – là ngành ra đời sớm nhất trong các ngành kinh tế hiện có. Do đó, đầu tư công trong nông nghiệp (theo nghĩa rộng) được hiểu là đầu tư từ ngân sách nhà nước, từ nguồn viện trợ phát triển chính thức của nước ngoài, từ nguồn phát hành trái phiếu của Chính phủ ở trong nước và nước ngoài (gọi là đầu tư của Nhà nước)

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Học viện Chính trị khu vực I.

cho ngành nông nghiệp, bao gồm:

- Đầu tư công sản xuất nông nghiệp phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như: Giao thông nội đồng, chuồng trại, cơ sở nghiên cứu, nhân giống và cung ứng giống; hệ thống bảo vệ thực vật, thú y và trạm kiểm dịch động, thực vật, kiểm tra chất lượng nông sản hàng hoá và vật tư nông nghiệp; cấp nước,...

- Đầu tư công cho lâm nghiệp (lâm sinh) chủ yếu là cho phát triển rừng như: đường giao thông cho khai thác vận xuất, đường tuần tra bảo vệ rừng, kho bãi gỗ, vườn ươm và các công trình phòng chống thiên tai, bảo vệ rừng.

- Đầu tư công cho ngành thủy sản: đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng nuôi trồng thủy sản (NTTS) tập trung; đầu tư phát triển hệ thống giống thủy sản; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ nuôi, sản xuất giống, phòng trị bệnh và cải tạo môi trường NTTS; đầu tư phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm một số đối tượng: tôm nước lợ, nhuyễn thể, rong biển và NTTS biển, hồ chứa; xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường và dịch bệnh phục vụ NTTS; dự án thông

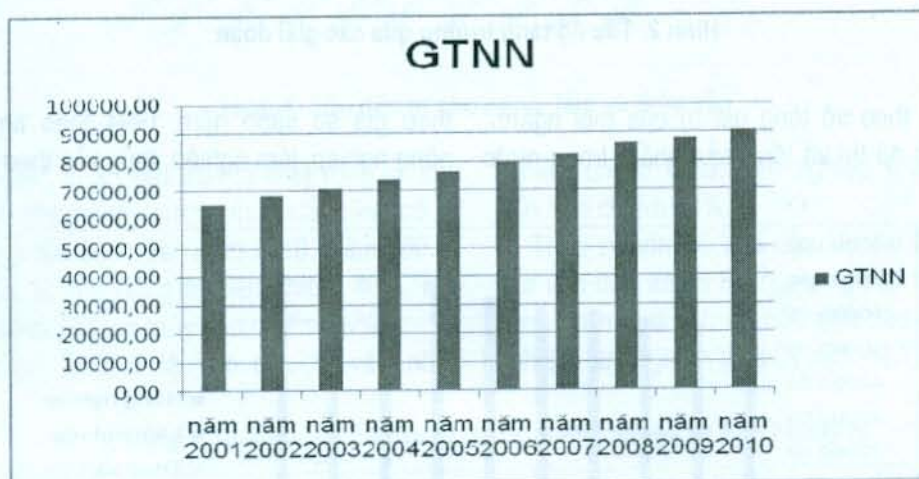
tin, thống kê phục vụ phát triển NTTS. Đầu tư cơ sở hạ tầng và khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá.

- Đầu tư công cho diêm nghiệp: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất muối như: xây dựng đê bao, trạm bơm, hệ thống cống, kênh thủy lợi đầu mối (cấp nước biển, thoát lũ) và thủy lợi nội đồng, công trình giao thông, giải phóng mặt bằng.

- Đầu tư thủy lợi: các công trình đầu mối hồ, đập, hệ thống tưới, tiêu; đê điều và các công trình phòng chống lụt bão khác.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng dịch vụ khác như đầu tư: máy móc, trang thiết bị, hệ thống kho bảo quản sau thu hoạch, phòng thí nghiệm và khu thực nghiệm sản xuất, hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ thương mại (chợ đầu mối, các cảng, kho tàng, thông tin,...). Nghĩa là những đầu tư cho một số hoạt động sản xuất và dịch vụ ở đầu vào và đầu ra của ngành Nông - Lâm - Thủy sản - Diêm nghiệp.

Theo nguồn số liệu của tổng cục thống kê, ta có đồ thị về tổng sản phẩm trong nước theo giá so sánh năm 1994 của ngành nông nghiệp (GTNN) theo nghĩa rộng (gồm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản) của các năm:



Hình 1. Tổng sản phẩm trong nước của ngành nông nghiệp theo nghĩa rộng

Hơn nữa, theo số liệu của tổng cục thống kê tổng hợp năm 2011 (CIS) ta có tốc độ tăng bình

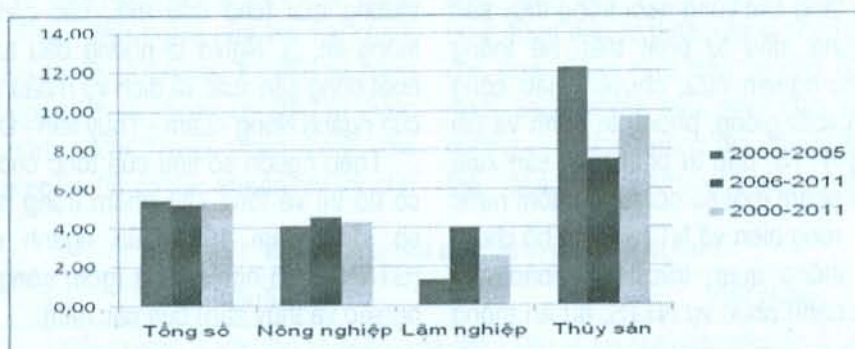
quần theo các giai đoạn (%) của giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản theo giá so sánh 1994:

Bảng 2. Tốc độ tăng trưởng bình quân theo giai đoạn

	Tổng số	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thủy sản
2000-2005	5,44	4,10	1,37	12,21
2006-2011	5,25	4,59	4,03	7,53
2000-2011	5,31	4,32	2,58	9,73

Dựa trên số liệu tính toán trên đây ta thấy tốc độ tăng trưởng về tổng giá trị sản xuất nông nghiệp theo nghĩa rộng trong 2 giai đoạn từ 2000 đến 2005 và giai đoạn từ 2006 đến 2011 tương đối ổn định ở mức trên 5%, trong đó tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất của ngành thủy sản của

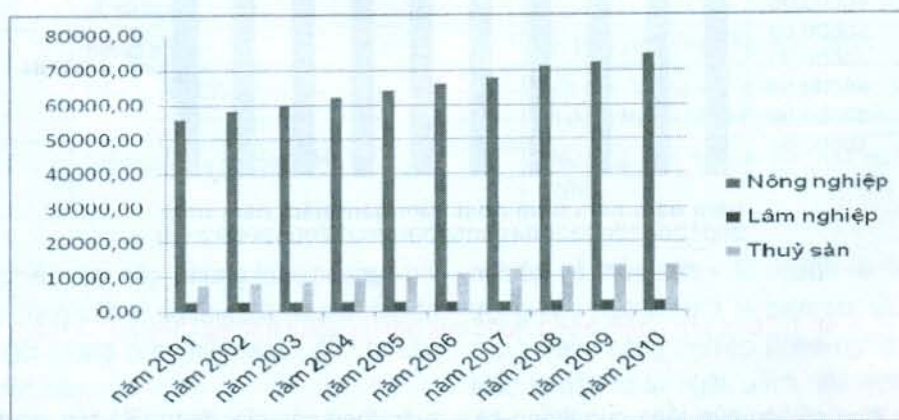
cả 2 giai đoạn này là cao hơn 2 ngành nông nghiệp và lâm nghiệp. Hơn nữa, sự thay đổi về tốc độ tăng trưởng qua các giai đoạn diễn ra nhiều hơn ở 2 ngành lâm nghiệp và thủy sản, còn ngành nông nghiệp ít thay đổi. Ta có biểu đồ về tốc độ tăng trưởng qua các giai đoạn như sau:



Hình 2. Tốc độ tăng trưởng qua các giai đoạn

Nếu xét theo về tổng giá trị của mỗi ngành, chúng ta có đồ thị về tổng sản phẩm trong nước

theo giá so sánh năm 1994 theo từng ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản theo các năm:



Hình 3. Tổng sản phẩm trong nước của từng ngành

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

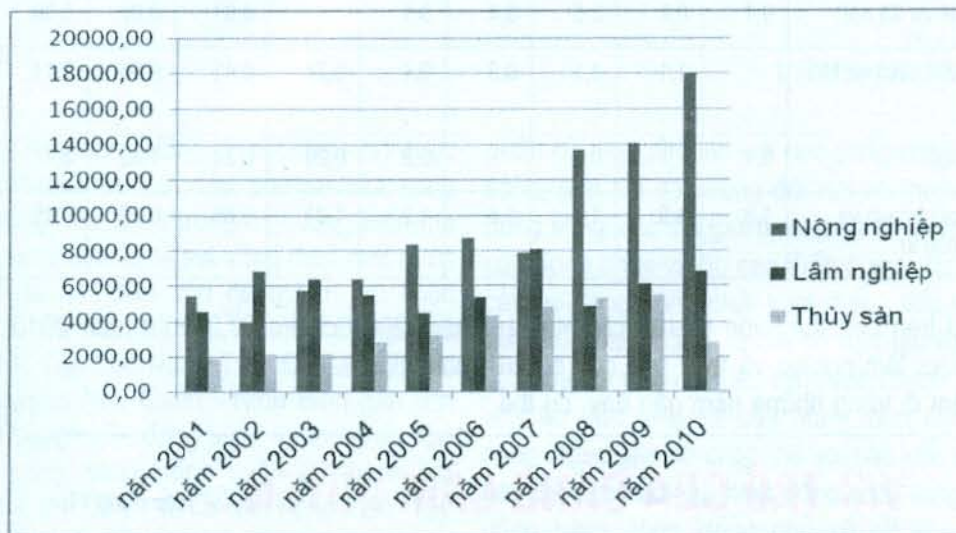
Như vậy dựa theo số liệu về tổng sản phẩm trong nước của các ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản từ năm 2001 đến 2010 ta thấy: Tổng giá trị của ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong 3 ngành trên. Hơn nữa ta có cơ cấu về tổng sản phẩm trong nước của các ngành có thay đổi theo các năm. Chẳng hạn 2001 tổng sản phẩm trong nước của nông nghiệp chiếm 85%, lâm nghiệp chiếm 4%, thủy sản chiếm 11%.

Trong khi đó, đến năm 2010 tổng sản

phẩm trong nước của nông nghiệp chiếm 82%, lâm nghiệp chiếm 3%, thủy sản chiếm 15%.

Để đánh giá tính hiệu quả đầu tư cho ngành nông nghiệp theo nghĩa rộng, trước hết chúng ta đánh giá một số yếu tố đầu vào quan trọng: Vốn, diện tích, lao động,.. sử dụng cho ngành này.

Vốn đầu tư: Theo số liệu thống kê về mức tổng vốn đầu tư cho toàn xã hội cho các ngành, ta thấy mức đầu tư cho ngành nông nghiệp cũng tăng lên theo các năm như sau:



Hình 4. Vốn đầu tư cho nông, lâm và thủy sản

Tuy nhiên, từ số liệu trên ta thấy rằng cơ cấu vốn đầu tư cho nông, lâm và thủy sản cũng có sự thay đổi từ năm 2001 đến năm 2010. Năm 2001 tỉ lệ vốn đầu tư vào nông nghiệp chiếm 46%, lâm nghiệp chiếm 38% và thủy sản chiếm 16%.

Đến năm 2010 tỉ lệ vốn đầu tư vào nông

nghiệp chiếm 65%, lâm nghiệp chiếm 25% và thủy sản chiếm 10%.

Theo nguồn số liệu của Vụ Kế hoạch về cơ cấu vốn đầu tư do Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, cơ cấu vốn đầu tư cho nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS) như sau:

Bảng 2.10: Cơ cấu vốn đầu tư do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng vốn đầu tư cho ngành NN - PTNT qua Bộ phân theo ngành kinh tế (%)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
Đầu tư Thủy lợi	60,2	56,8	56,8	67,6	76,0	80,76	77,14	82,7	79,49	79,37

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Đầu tư Nông nghiệp	7,9	4,1	4,6	5,4	8,9	5,56	5,25	6,59	8,51	8,72
Đầu tư Lâm nghiệp	6,6	7,0	5,1	4,6	4,7	3,45	5,38	2,33	3,68	3,32
Đầu tư Thủy sản	5,7	6,2	6,1	5,5	5,2	3,94	4,39	2,33	0,92	1,32
Đầu tư Khoa học và Công nghệ	2,4	2,0	1,7	1,9	1,4	3,23	4,52	2,73	2,31	0,55
Đầu tư Giáo dục và Đào tạo (Education and Training)	2,1	1,7	1,6	1,9	1,1	1,41	1,64	1,30	0,98	0,95
Đầu tư Giao thông	12,8	18,2	17,9	10,9	0,3	0,11	0,11	0,23	0,29	0,65
Đầu tư Y tế và Xã hội	0,4	0,9	0,5	0,4	0,1		0,07	0,02	0,08	0,05
Đầu tư Nước sạch và Môi trường		1,1	3,1	0,3	0,4	0,24	0,41	0,06	0,11	0,15
Đầu tư khác	0,1		0,8		0,8	0,29	0,24	1,42	3,17	4,51
Thiết kế quy hoạch và Chuẩn bị đầu tư	1,8	1,9	1,7	1,5	1,2	1,01	0,86	0,29	0,45	0,40

Số liệu trên cho thấy vốn đầu tư cho ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản còn có xu hướng giảm đi trong những năm gần đây, cụ thể năm 2001 chiếm 20,2% thì năm 2010 tỉ lệ này còn 13,36%. (xem tiếp kỳ 2)

VAI TRÒ CỦA ĐẢNG CẦM QUYỀN... (tiếp trang 11)

Đây là điều kiện dễ làm cho con người chạy theo chức, quyền, danh, lợi, chạy theo tiền tài và hưởng lạc, phai lạt lý tưởng, tham nhũng, quan liêu, xa rời nhân dân, đặc quyền đặc lợi, sa vào những tệ nạn không thể có khi chưa giành được chính quyền. Những tệ nạn này không chữa một ai, bất kể cấp cao hay thấp, nếu không kiên trì rèn luyện thì đều có thể mắc phải.

Đảng thấy rõ hơn tệ nạn tham nhũng, lãng phí, quan liêu với nhiều biểu hiện nghiêm trọng hơn. Đáng lo ngại là một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên phai lạt lý tưởng, giảm sút ý chí (ý thức tổ chức kỷ luật kém, phát ngôn tùy tiện, bất chấp các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng); đặc biệt tình trạng tha hoá, sa đọa về đạo đức, lối sống có chiều hướng gia tăng (quan liêu, xa cách quần chúng, lạm quyền, lộng quyền, gia

trường, độc đoán; lợi dụng chức quyền để đặc quyền đặc lợi, ăn cắp của công, làm giàu bất chính, buôn lậu, tham nhũng, hối lộ; lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, thu vén cá nhân, ăn chơi sa đọa, sống buông thả, xa hoa, lãng phí của công; cục bộ địa phương, kèn cựa địa vị, gây tình trạng mất đoàn kết nội bộ...). Một số ít thoái hoá về chính trị, cá biệt có những người phản bội lý tưởng của Đảng, đã gây hậu quả rất xấu. ☒

Tài liệu tham khảo:

1 - Báo cáo chính trị... tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, tr.121.

2 - Sđđ.

3 - Tiểu ban Tổng kết công tác xây dựng Đảng "Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng - thời kỳ 1975-1995, Nxb. CTQG, H. 1996.

4 - Văn kiện Đại hội VIII, Nxb. CTQG, H. 1996, tr. 47.